

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 397/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1978
- Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: 74 đường A, tổ B, khu phố C, phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hoàng V và bà Nguyễn Thị Thanh T được xác lập vào năm 2003, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự hiện nay đang cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và có đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, nên đây là việc thuận tình ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định của Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 2 Điều 29; Điều 35; Điểm h, Khoản 2, Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình giải quyết việc dân sự các đương sự thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng V và bà Nguyễn Thị Thanh T qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 043, quyển số: 01/2003 do UBND xã A, huyện B, Tiền Giang cấp ngày 12 tháng 6 năm 2003).

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống của hai bên có nhiều bất đồng, tính tình không hòa hợp, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Cả hai đã cố gắng tiếp tục hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay nhận thấy không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà yêu cầu Tòa công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Hoàng V và bà Nguyễn Thị Thanh T có 01 con chung, họ tên là: Nguyễn Hoàng T (Nam), sinh ngày 07/10/2003 (Đã thành niên).

Do con chung của ông Nguyễn Hoàng V và bà Nguyễn Thị Thanh T đã thành niên nên không xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận.

[5] Về quan hệ nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng V và bà Nguyễn Thị Thanh T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 043, quyển số: 01/2003 do UBND xã A, huyện B, Tiền Giang cấp ngày 12 tháng 6 năm 2003 không còn giá trị pháp lý).

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Hoàng V và bà Nguyễn Thị Thanh T có 01 con chung, họ tên là: Nguyễn Hoàng T (Nam) sinh ngày 07/10/2003 (Đã thành niên).

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định là không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2021/0013606 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND xã A, huyện B, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK. Phương Thúy).

THẨM PHÁN
(Đã đóng dấu, ký tên)

Đào Lê Anh